TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 55A/2019/DS-ST
Ngày: 29 – 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình
2. Ông Nguyễn Đình Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 162/2019/TLST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2019/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 9 năm 2019, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 59/2019/QĐ-TĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2019/QĐST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1982; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số A, đường B, thôn C, xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1969 và bà Ngô Thị N, sinh năm: 1943

Địa chỉ: Số nhà F, đường số G, thôn T, xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông B, bà N không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2019, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật cho nguyên đơn, bà Phạm Thị T trình bày: Vào ngày 18/6/2012, Quỹ tín dụng nhân dân H đã cho ông Lê Thanh B và mẹ ruột của ông B là bà Ngô Thị N vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất khi vay là 1,65%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay (2,475%/tháng), thời hạn vay là 13 tháng, mục đích vay là để đầu tư sản xuất nông nghiệp, kỳ hạn trả nợ là trả gốc và lãi hàng quý. Đây là khoản vay tín chấp nhưng phía Quỹ tín dụng có quản lý của ông B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788984 do UBND huyện Đức Linh cấp ngày 29/7/2004 đứng tên hộ ông Lê Thanh B. Sau đó, món vay đã được chuyển quá hạn từ ngày 19/7/2013. Quỹ tín dụng nhân dân H đã nhắc nợ nhiều lần nhưng ông B không chịu trả. Đến ngày 12/10/2017 ông B có trả gốc cho Quỹ tín dụng 6.028.000 đồng và trả được 23.672.000 đồng nợ lãi, đến ngày 10/7/2019 ông Bcó trả được 5.000.000 đồng nợ gốc và 17.825.000 đồng nợ lãi, ngày 30/8/2019 ông B có trả 5.956.000 đồng nợ gốc và 1.219.000 đồng nợ lãi, ngày 14/10/2019 trả thêm 4.000.000 đồng nợ gốc và 854.000 đồng nợ lãi. Tính đến nay, ông B đã trả được tổng nợ lãi là 68.404.000 đồng và 20.984.000 đồng nợ gốc. Hiện nay ông B còn nợ 19.016.000 đồng gốc và 220.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu buộc bà Ngô Thị N phải trả nợ. Lý do, toàn bộ hồ sơ vay vốn và giải ngân đều do ông Lê Thanh B ký kết nên Quỹ tín dụng chỉ yêu cầu Tòa án buộc một mình ông B phải trả số nợ trên và ông B còn phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng số H.12/0190_04/HĐTD, ngày 18/6/2012, kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả xong tiền nợ gốc và lãi.

Theo bản tự khai ngày 10/7/2019, bị đơn Lê Thanh B trình bày: Ông thừa nhận trước đây ông có vay của Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 40.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông đã trả được một phần gốc và lãi, số tiền nợ còn lại ông cam kết đến ngày 20/8/2019 sẽ trả hết.

Theo biên bản xác minh ngày 19/9/2019, ông Cao Xuân Q trưởng công an xã Đ, trình bày như sau: Ông Lê Thanh B, sinh năm: 1969 và bà Ngô Thị N, sinh năm: 1943, có hộ khẩu tại tổ P, thôn T, xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Thuận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.

- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền là 19.236.000 đồng. Trong đó, tiền nợ vay là 19.016.000 đồng và tiền lãi là 220.000 đồng. Ông B còn phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng ngày 18/6/2012, kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả xong tiền nợ gốc và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

[3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015 thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ Luật dân sự 2015 do đây là giao dịch dân sự phát sinh từ trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự 2015.

[5] Nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, bị đơn Lê Thanh B cũng trình bày thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 18/6/2012, Quỹ tín dụng nhân dân Hcó cho ông Lê Thanh B và người thừa kế là bà Ngô Thị N vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) lãi suất khi vay là 1,65%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay

(2,475%/tháng), thời hạn vay là 13 tháng , mục đích vay là để đầu tư sản xuất nông nghiệp, kỳ hạn trả nợ là trả gốc và lãi hàng quý. Sau đó, món vay đã được chuyển quá hạn từ ngày 19/6/2013. Tính đến nay ông B đã trả được tổng cộng 20.984.000 đồng nợ gốc và 68.404.000 đồng nợ lãi. Hiện nay ông B còn nợ lại 19.016.000 đồng gốc và 220.000 đồng tiền lãi.

Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự 2015 thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ vay do Quỹ tín dụng cung cấp thì việc vay mượn và nhận tiền giải ngân chỉ do một mình ông B thực hiện. Vì vậy, tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Ngô Thị N phải trả nợ; Đây là ý kiến tự nguyện của nguyên đơn nên cần xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, Quỹ tín dụng chỉ yêu cầu một mình ông B phải trả số tiền nói trên và kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng số H.12/0190_04/HĐTD, ngày 18/6/2012. Xét thấy, đến nay khoản nợ đã quá hạn nhiều năm mà ông B vẫn chưa trả hết nên ông đã vi phạm quy định về thời hạn trả nợ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 18/6/2012, nên cần buộc ông B phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông Lê Thanh B phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 19.016.000 đồng gốc và 220.000 đồng tiền lãi là phù hợp.

Về lãi suất: Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng số H.12/0190_04/HĐTD, ngày 18/6/2012 là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn Lê Thanh B được chấp nhận nên bị đơn Lê Thanh B phải chịu toàn bộ án phí DSST.

Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải

quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Lê Thanh B phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 19.236.000đồng (Mười chín triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 19.016.000 đồng và tiền lãi là 220.000 đồng.

Kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng số H.12/0190_04/HĐTD, ngày 18/6/2012.

3/ Về án phí DSST:

Buộc ông Lê Thanh B phải chịu 961.000 đồng (Chín trăm sáu mươi mốt ngàn đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Quỹ tín dụng nhân dân H không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 1.271.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi mốt ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Quỹ tín dụng nhân dân H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025423, ngày 24/6/2019.

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (29/10/2019). Báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THA huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà